TOÀ ÁN NHÂN DÂN **CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2020/DS-PT
Ngày: 26/5/2020
V/v: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phú thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trương Công Thi**

Các thẩm phán: **Ông Vũ Thanh Liêm**

Ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên toà: **Bà Dương Thị Tuyết Trinh**, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Lê Phước Thạnh**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 737/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Phong H, sinh năm: 1965. Trú tại: Thôn P, xã H, huyện Đ, Phú Yên.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Võ B, sinh năm: 1941, bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1945.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Võ Thị Cẩm D, sinh năm: 1971.

Cùng trú tại: Thôn P, xã H, huyện Đ, Phú Yên.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Võ L, sinh năm: 1945;

+ Chị Võ Thị Mỹ D, sinh năm: 1969.

+ Chị Võ Thị Cẩm D, sinh năm: 1971.

+ Chị Võ Thị Thảo D, sinh năm: 1975.

+ Chị Võ Thị Phương D, sinh năm: 1977.

+ Anh Võ Văn T, sinh năm: 1979.

+ Anh Võ Quang T, sinh năm: 1992.

Tất cả cùng trú tại: Thôn P, xã H, huyện Đ, Phú Yên.

+ Bà Võ Thị D, sinh năm: 1957; Trú tại: TP. Tuy H, Phú Yên.

+ Cụ Đinh Thị L1, sinh năm: 1925 (chết). Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của cụ L1 gồm: Ông Võ Phong H, ông Võ B, ông Võ L, bà Võ Thị D.

+ UBND xã H; Địa chỉ: H, Đ, Phú Yên

+ UBND huyện Đ; Địa chỉ: Khu phố 2, H Vinh, Đ, Phú Yên.

Người kháng cáo: Ông Võ L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được xác định như sau:

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2016, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa ông Võ Phong H trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp tại thửa 164, tờ bản đồ 327-B, diện tích đo đạc thực tế là 491,1m^2, tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên do cha mẹ ông (Võ Phong H) là cụ Võ C (chết năm 2005) và cụ Đinh Thị L1 (chết năm 2019) tạo lập. Cha mẹ ông có 04 người con gồm: Ông Võ B, ông Võ L, bà Võ Thị D và ông Võ Phong H. Cụ Võ C, Đinh Thị L1 chết không để lại di chúc. Sau khi cụ C chết, ông Võ B là người thay mặt cụ Đinh Thị L1 trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Cụ L1 và ông vẫn ở chung trên nhà đất này.

Trước đây, trên thửa đất có một con đường rộng khoảng 2m nằm ở phía nam (cặp với thửa 196, 197) từ đường bê tông vào nhà cha mẹ ông. Năm 2016, vợ chồng ông Võ B xây dựng 01 ngôi nhà trên thửa đất cha mẹ, liền kề với nhà cũ của cha mẹ và bịt con đường vào nhà cha mẹ nên hiện nay không còn.

Đối với các chữ ký trong Tờ di chúc lập ngày 20/5/2010 và Giấy đồng ưng phân chia đất lập ngày 04/5/2013 để phân chia đất cho cụ Đinh Thị L1, ông và ông B không phải là chữ viết "con trai út" và chữ tên "Võ Phong H" không phải do ông viết.

Đối với diện tích 95m^2 đất được cấp cho hộ ông Võ B vào năm 1995 khi nhà nước thực hiện chính sách đất đai theo Nghị định 64/NĐ-CP thì ông không biết vì sao hộ ông Võ B được cấp, vì diện tích đất 95m^2 này thuộc quyền quản lý, sử dụng của cha mẹ ông.

Nay, ông khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ ông để lại là phần diện tích đất 491,1m^2 nói trên theo quy định pháp luật, không yêu cầu chia tài sản nào khác. Ông yêu cầu được nhận đất và đồng ý thối lại giá trị quyền sử

dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho các đồng thừa kế khác. Đồng thời ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 850864 cấp ngày 24/8/2009, do UBND huyện Đ cấp cho vợ chồng ông Võ B, bà Nguyễn Thị H.

Tại biên ngày 15/11/2016 và biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2018, bị đơn ông Võ B trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp tại thửa 164, tờ bản đồ 327-B là của cha mẹ ông (cụ Võ C, Đinh Thị L1) tạo lập, trên đất có xây dựng nhà chữ L. Năm 1968, cha mẹ ông có nói cho ông một phần đất; năm 1969, vợ chồng ông xây dựng một ngôi nhà diện tích khoảng 40m^2 và có chừa con đường 2m từ đường lộ để đi vào nhà vợ chồng ông và cha mẹ; và giữa nhà trên và nhà dưới có 01 cái giếng. Năm 2016, vợ chồng ông phá dỡ và xây dựng nhà mới mà hiện nay gia đình ông đang ở. Phần đất còn lại là của mẹ Đinh Thị L1, ông không tranh chấp. Năm 2007, ông đại diện gia đình đăng ký toàn bộ thửa 164, diện tích 460m^2. Việc cơ quan quản lý nhà nước cấp giấy toàn bộ thửa 164 cho vợ chồng ông là không đúng với ý chí của mẹ ông và vợ chồng ông. Ông đề nghị Tòa xem xét công nhận toàn bộ nhà đất đã được cha mẹ ông cho ông vào năm 1968; phần đất còn lại ông đồng ý giao lại cho mẹ ông (cụ Đinh Thị L1 - đã chết năm 2019). Căn cứ vào ý chí của mẹ ông nên vào năm 2010 và 2013, ông có viết tờ di chúc và giấy đồng ưng phân chia đất cho ông, mẹ ông và em trai Võ Phong H, được tất cả các anh chị em và mẹ Đinh Thị L2 biết nhân ngày giỗ cha Võ C.

Nay, ông Võ Phong H khởi kiện thì ông không đồng ý vì đã họp phân chia, ông H được ở nhà dưới, ông được ở nhà trên và ông H còn đường đi khác vào nhà dưới, còn giếng nước thì đã cũ không còn sử dụng được.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Võ Thị Cẩm D trình bày:

Về nguồn gốc đất đang tranh chấp và quan hệ huyết thống, diện hàng thừa kế, bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn thống nhất như lời trình bày của ông Võ Phong H đã trình bày. Còn diện tích 95m^2 đất cấp cho hộ ông Võ B thì từ trước đến nay ông Võ B, bà Nguyễn Thị H cất nhà ở cùng với các con, còn nguồn gốc 95m^2 đất này từ đâu mà có thì chị D không biết. Ngôi nhà vợ chồng ông B, bà H đang ở là do vợ chồng ông B, bà H xây dựng. Ông nội (cụ Võ C) chết không để lại di chúc, sau khi cụ C chết, vợ chồng ông Võ B là người trực tiếp quản lý đất và nuôi dưỡng cụ Đinh Thị L1 (chết năm 2019).

Ông B, bà H có tất cả 06 người con gồm: Bà (Võ Thị Cẩm D), Võ Thị Mỹ D, Võ Thị Thảo D, Võ Thị Phương D, Võ Văn T và Võ Quang T.

Ngày 20/5/2010, ông Võ L đề xướng về việc phân chia đất của cha mẹ nên các anh em trong nhà mới họp lại và lập tờ di chúc có nội dung "Nhà trên (chiều dài 14,72m, chiều rộng 6,8m, diện tích 100,1m^2) giao cho con trai trưởng Võ B và vợ Nguyễn Thị H; phần đất trước mặt có nhà tắm, nhà bếp, chuồng heo. Phần nhà và đất ở còn lại gồm nhà dưới và bếp (chiều dài 12, chiều rộng 7,4m, diện tích 88,8m^2 giao cho con trai út ông Võ Phong H)". Tất cả chữ ký trong tờ di chúc là do chính vợ chồng ông Võ B, bà Nguyễn Thị H, vợ chồng ông Võ L, bà Võ Thị D và ông Võ Phong H ký tên thống nhất thỏa thuận.

Ngày 04/5/2013, cụ L1 cùng các con họp gia đình và lập giấy đồng ưng phân chia đất, cụ thể thế nào thì chị không biết.

Về yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn, chị D đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật; bị đơn yêu cầu được nhận đất và đồng ý thối lại giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho các đồng thừa kế khác. Đề nghị Tòa xem xét công sức chăm sóc, nuôi dưỡng và chi phí mai táng cụ Đinh Thị L1 của vợ chồng ông B, bà H từ trước cho tới nay. Đề nghị Tòa án xem xét đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 850864 cấp ngày 24/8/2009, do UBND huyện Đ cấp cho vợ chồng ông Võ B, bà Nguyễn Thị H và yêu cầu bị đơn khôi phục lại giếng nước cũ và con đường đi trước đây mà ông B đã phá, lấp khi xây nhà vào năm 2016 của nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Tại văn bản ngày 18/10/2016, cụ Đinh Thị L1 (đã chết)lúc còn sống cụ L1 trình bày:* Nguyên vợ chồng cụ là cụ Võ C và cụ có tạo mãi được diện tích đất 460m^2, tọa lạc tại P, H, Đ, Phú Yên. Vợ chồng cụ có 07 (bảy) người con gồm: 03 chết nhỏ (Võ Thị T, Võ C, Võ Thị B), 04 người còn sống gồm: ông Võ B, ông Võ L, bà Võ Thị D và ông Võ Phong H. Trên đất vợ chồng cụ có xây 01 ngôi nhà hình L gồm hai gian (nhà trên và nhà dưới). Giữa căn nhà trên và nhà dưới có 01 cái giếng nước.

Vợ chồng ông Võ B, bà Nguyễn Thị H có xây dựng 01 ngôi nhà nhỏ trên diện tích đất của vợ chồng cụ, có chừa đường đi giữa 02 ngôi nhà, rộng 02m từ đường lộ vào. Sau đó, vợ chồng ông B đập ngôi nhà cũ và xây dựng lại mới lớn hơn và lắp con đường đi.

Năm 2005, cụ Võ C chết, không để lại di chúc, sau đó gia đình có họp lại để phân chia tài sản, nhưng cụ không nhớ có ký vào bản phân chia tài sản hay không vì cụ đã già yếu.

Nay, ông Võ Phong H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế thì cụ đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật, ngoài ra cụ không tranh chấp và yêu cầu vấn đề gì khác.

- *Bà Võ Thị D trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày của ông Võ B. Năm 2010, mặt dù bà không có mặt trong cuộc họp phân chia đất nhưng bà thống nhất theo nội dung "nhà trên cho ông Võ B, nhà dưới cho ông Võ Phong H". Nếu bà được chia 01 phần thì bà nhường lại cho ông B. Ngoài ra, bà không tranh chấp và có yêu cầu gì khác.

- *Ông Võ L trình bày:* Thống nhất lời trình bày của ông Võ Phong H về nguồn gốc đất và diện hàng thừa kế. Nếu Tòa án phân chia thừa kế thì ông xin nhận phần được chia. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì.

- *Tại văn bản số 172/UBND ngày 16/10/2017, Ủy ban nhân dân xã H trình bày:* Thửa 164, tờ bản đồ 327B do ông Võ B đứng tên kê khai. Vào thời điểm

cân đối ruộng đất theo Nghị định 64/CP, trong thửa đất có một phần diện tích 95m^2 được cân đối đất nông nghiệp cho hộ ông Võ B.

- Tại văn bản số 1870/UBND-TNMT, Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày: Đối với quá trình sử dụng đất và nguồn gốc đất đề nghị Tòa án xác minh tại UBND xã H. Khi tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Võ B, bà Nguyễn Thị H, UBND huyện Đ không nhận đơn khiếu nại liên quan đến thửa 164, tờ bản đồ 327, diện tích 460m^2, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2003, khoản 5 Điều 26, Điều 166 Luật Đất đai 2013 và các Điều 160, 221, 620, 649, 651, 660 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phong H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Võ C và cụ Đinh Thị L1.

Công nhận khối di sản thừa kế của cụ Võ C và cụ Đinh Thị L1 gồm ngôi nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 396,1m^2, thuộc thửa 164, tờ bản đồ 327-B, tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, trị giá 468.951.581đ; và một số tài sản: 02 bộ phản gỗ gõ, 01 tủ đứng và 01 bộ đồ thờ, gồm: 02 đèn, 01 lư đèn, 02 hộp thau, 01 bình cổ bằng đồng thau, 02 chân hộp thau bằng gỗ (số tài sản này các đương sự không yêu cầu chia).

1. Tính công sức chăm sóc, nuôi dưỡng và chi phí mai táng cụ Đinh Thị L1 cho ông Võ B số tiền 46.895.158đ.

2. Ông Võ B, ông Võ L, bà Võ Thị D và ông Võ Phong H mỗi người được chia một kỷ phần của cụ Võ C, cụ Đinh Thị L1 trị giá 105.514.106đ, cụ thể:

2.1. Giao chia cho ông Võ Phong H ngôi nhà của cụ C, cụ L1 gắn liền với diện tích đất 213,8m^2, trong đó có 100m^2 đất ở trị giá 200.000.000đ và 113,8m^2 đất HNK trị giá 4.552.000đ và ngôi nhà trị giá 61.107.581đ, tổng trị giá 265.659.581đ, thuộc thửa 164, tờ bản đồ 327-B, tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (có bản vẽ kèm theo). Ông Võ Phong H là người đang trực tiếp quản lý sử dụng nhà đất nêu trên.

Ông Võ Phong H phải có trách nhiệm thánh toán lại kỷ phần thừa kế của ông Võ L là 105.514.106đ và bà Võ Thị D là 54.631.369đ, phần của bà Võ Thị D giao cho ông Võ B.

2.2. Giao chia cho ông Võ B diện tích đất 277,3m^2, trong đó phần di sản được chia trị giá 203.292.000đ, gồm 100m^2 đất ở trị giá 200.000.000đ, 82m^2 đất HNK trị giá 3.292.000đ và 95m^2 đất HNK được cân đối theo NĐ 64/CP, trên đất có ngôi nhà của vợ chồng ông xây dựng, thuộc thửa 164, tờ bản đồ 327-B, tọa

lạc tại thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (có bản vẽ kèm theo). Ông Võ B và bà Nguyễn Thị H là người đang quản lý sử dụng nhà đất nêu trên.

Ông Võ B phải có trách nhiệm thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế cho bà D 50.882.736đ. Bà Võ Thị D tự nguyện để lại kỷ phần của mình cho ông Võ B.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự giao cho ông Võ Phong H số tài sản gồm: 02 bộ phản gỗ gõ, 01 tủ đứng và 01 bộ đồ thờ gồm: 02 đèn, 01 lư đèn, 02 hộp thau, 01 bình cổ bằng đồng thau, 02 chân hộp thau bằng gỗ.

4. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Phong H về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AP 850864 cấp ngày 24/8/2009, do UBND huyện Đ cấp cho vợ chồng ông Võ B, bà Nguyễn Thị H. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Võ Phong H có yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất được chia, UBND huyện Đ sẽ điều chỉnh theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

5. Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được chỉnh lý, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/10/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ L có đơn kháng cáo. Nội dung đơn kháng cáo ông Võ L cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế cho ông theo giá trị là ông không thống nhất, ông yêu cầu được nhận hiện vật để ông vào nhà từ đường, tu sửa lại để làm nơi thờ cúng ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Võ L giữ nguyên kháng cáo và trình bày: ông Võ B nhận đất để giao cho con rể xây dựng nhà, không có trách nhiệm tôn tạo, gia cố nhà từ đường để thờ cúng ông bà, ông Võ Phong H nhận đất sẽ bán lại cho ông Võ B, gây ra sự bất đồng trong dòng họ. D vậy, ông đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm, giao một phần hiện vật quyền sử dụng đất cho ông L.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến như sau: về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: sau khi phân tích nội dung vụ án, quan điểm của kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của ông Võ L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cũng như ý kiến phát biểu của kiểm sát viên. Xem xét kháng cáo của ông Võ L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, xét thấy:

1/ Về di sản thừa kế, hàng thừa kế, giá trị di sản thừa kế kỷ phần thừa kế trích tính công sức tại Bản án dân sự sơ thẩm đã xác định đúng, không có đương sự nào kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

2/ Đối với kháng cáo của ông Võ L về việc yêu cầu chia cho ông một phần hiện vật là quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, xem xét hiện trạng nhà cửa trên thửa đất số 164 tờ bản đồ số 327B tổng diện tích 491,1m^2, trừ phần cân đối theo Nghị định 64/CP là 95m^2 cho ông B bà H còn lại 395,8m^2 thì ông B bà H đã xây dựng nhà 196,5m^2 chỉ còn lại phần sân nhỏ và lối đi. Đối với nhà đất Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông Võ Phong H diện tích 213,8m^2, trên đó có hai ngôi nhà cũ của cụ C và cụ L1, diện tích 90m^2 nhà vệ sinh 5,7m^2 nằm giữa thửa đất. Như vậy, xem xét hiện trạng không thể chia hiện vật là quyền sử dụng đất cho ông Võ L.

Xem xét ý kiến và yêu cầu của hầu hết các đồng thừa kế đều thống nhất chia toàn bộ di sản thừa kế của cụ C, cụ L1 để lại, không có ý kiến nào yêu cầu trích lại một phần di sản để làm nơi thơ cúng. Tại bản tự khai (BL 43), tại biên bản hòa giải (BL 59,60) và tại phiên tòa sơ thẩm nội dung lời trình bày của ông Võ L đều yêu cầu chia di sản thừa kế theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án ông Võ L không có yêu cầu chia hiện vật và không có đồng thừa kế nào thống nhất để lại toàn bộ hay một phần di sản để làm nơi thờ cúng. Từ việc xem xét yêu cầu chia di sản của các đồng thừa kế đối với di sản của cụ C và cụ L1 để lại, xem xét hiện trạng nhà cửa đất đai điều kiện cụ thể của ông Võ B và ông Võ Phong H. Tại Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào các quy định của pháp luật, giải quyết chia hiện vật cho ông B, ông Võ Phong H, còn đối với những người thừa kế khác được chia kỷ phần thừa kế theo giá trị là áp dụng đúng các quy định của pháp luật về việc chia thừa kế theo quy định tại các Điều 160, 221,620, 649, 651, 660 Bộ luật dân sự 2015.

Với những nhận định nếu trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Võ L. Cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm 14/2019/DSST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Đối với án phí dân sự phúc thẩm do không chấp nhận kháng cáo lẽ ra ông Võ L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên do ông Võ L là người già. Vì vậy căn cứ điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Võ L.

Vì các lẽ nêu trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DSST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Áp dụng khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2003, khoản 5 Điều 26, Điều 166 Luật Đất đai 2013 và các Điều 160, 221, 620, 649, 651, 660 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phong H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Võ C và cụ Đinh Thị L1.

Công nhận khối di sản thừa kế của cụ Võ C và cụ Đinh Thị L1 gồm ngôi nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 396,1m^2, thuộc thửa 164, tờ bản đồ 327-B, tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, trị giá 468.951.581đ; và một số tài sản: 02 bộ phản gỗ gõ, 01 tủ đứng và 01 bộ đồ thờ, gồm: 02 đèn, 01 lư đèn, 02 hộp thau, 01 bình cổ bằng đồng thau, 02 chân hộp thau bằng gỗ (số tài sản này các đương sự không yêu cầu chia).

1. Tính công sức chăm sóc, nuôi dưỡng và chi phí mai táng cụ Đinh Thị L1 cho ông Võ B số tiền 46.895.158đ.

2. Ông Võ B, ông Võ L, bà Võ Thị D và ông Võ Phong H mỗi người được chia một kỷ phần của cụ Võ C, cụ Đinh Thị L1 trị giá 105.514.106đ, cụ thể:

2.1. Giao chia cho ông Võ Phong H ngôi nhà của cụ C, cụ L1 gắn liền với diện tích đất 213,8m^2, trong đó có 100m^2 đất ở trị giá 200.000.000đ và 113,8m^2 đất HNK trị giá 4.552.000đ và ngôi nhà trị giá 61.107.581đ, tổng trị giá 265.659.581đ, thuộc thửa 164, tờ bản đồ 327-B, tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (có bản vẽ kèm theo). Ông Võ Phong H là người đang trực tiếp quản lý sử dụng nhà đất nêu trên.

Ông Võ Phong H phải có trách nhiệm thánh toán lại kỷ phần thừa kế của ông Võ L là 105.514.106đ và bà Võ Thị D là 54.631.369đ, phần của bà Võ Thị D giao cho ông Võ B.

2.2. Giao chia cho ông Võ B diện tích đất 277,3m^2, trong đó phần di sản được chia trị giá 203.292.000đ, gồm 100m^2 đất ở trị giá 200.000.000đ, 82m^2 đất HNK trị giá 3.292.000đ và 95m^2 đất HNK được cân đối theo NĐ 64/CP, trên đất có ngôi nhà của vợ chồng ông xây dựng, thuộc thửa 164, tờ bản đồ 327-B, tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (có bản vẽ kèm theo). Ông Võ B và bà Nguyễn Thị H là người đang quản lý sử dụng nhà đất nêu trên.

Ông Võ B phải có trách nhiệm thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế cho bà D 50.882.736đ. Bà Võ Thị D tự nguyện để lại kỷ phần của mình cho ông Võ B.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự giao cho ông Võ Phong H số tài sản gồm: 02 bộ phản gỗ gõ, 01 tủ đứng và 01 bộ đồ thờ gồm: 02 đèn, 01 lư đèn, 02 hộp thau, 01 bình cổ bằng đồng thau, 02 chân hộp thau bằng gỗ.

4. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Phong H về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AP 850864 cấp ngày 24/8/2009, do UBND huyện Đ cấp cho vợ chồng ông Võ B, bà Nguyễn Thị H. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Võ Phong H có yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất được chia, UBND huyện Đ sẽ điều chỉnh theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

5. Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được chỉnh lý, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Các Quyết định khác về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và lãi suất chậm trả tại Bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự phúc thẩm đối với ông Võ L. Trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000071, ngày 06/01/2019 của cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên cho ông Võ L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Công Thi